

ĐẢNG BỘ KHỐI CÁC CƠ QUAN TW
ĐẢNG ỦY BỘ TƯ PHÁP

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

Số 584-^{*} QĐ/ĐU

QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Tư pháp
khóa XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Quy định số 24-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định số 123-QĐ/TW ngày 26/9/2023 của Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương;
- Căn cứ Quyết định số 953-QĐ/ĐUK ngày 14/9/2009 của Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương về việc lập Đảng bộ Bộ Tư pháp là Đảng bộ cấp trên cơ sở;
- Xét đề nghị của Văn phòng Đảng ủy và Ban Tổ chức Đảng ủy,

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Tư pháp khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 02-QĐ/ĐU ngày 11/8/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Tư pháp ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Tư pháp nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Quyết định số 412-QĐ/ĐU ngày 16/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Tư pháp khóa XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Điều 3. Văn phòng Đảng ủy, Ủy ban Kiểm tra, các Ban của Đảng ủy Bộ, các đảng bộ, chi bộ trực thuộc, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Bộ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ và đảng viên trong Đảng bộ Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *KL*

Nơi nhận:

- Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương (để b/c);
- Ủy ban Kiểm tra, Ban Tổ chức Đảng ủy Khối (để biết);
- Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp (để b/c);
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ Bộ (để t/h);
- UBKT, các Ban của Đảng ủy Bộ (để t/h);
- Các đảng bộ, chi bộ trực thuộc (để t/h);
- Các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Bộ (để t/h);
- Lưu: VP Đảng ủy.

T/M BAN CHẤP HÀNH

BÍ THƯ



Đặng Hoàng Oanh

*

QUY CHẾ LÀM VIỆC

của Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Tư pháp
khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 584-QĐ/ĐU ngày 29/12/2023
của Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Tư pháp)

CHƯƠNG I

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ, THƯỜNG TRỰC ĐẢNG ỦY VÀ CƠ QUAN THAM MUÙ, GIÚP VIỆC

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Đảng ủy Bộ Tư pháp là đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở Bộ Tư pháp do Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương quyết định thành lập và chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương.

2. Đảng ủy Bộ Tư pháp có chức năng sau đây:

a) Lãnh đạo, kiểm tra, giám sát các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc phát huy vai trò hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động (sau đây viết tắt là cán bộ, đảng viên) chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của cấp ủy cấp trên, của đảng ủy, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị;

b) Xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng chính quyền và các đoàn thể trong cơ quan, đơn vị vững mạnh.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Tư pháp (gọi tắt là Ban Chấp hành) là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng bộ Bộ giữa hai kỳ Đại hội; thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ Đảng, Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và quy định cụ thể tại các Điều 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Quy định số 123-QĐ/TW ngày 26/9/2023 của Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương (sau đây gọi tắt là Đảng ủy Khối).

2. Ban Chấp hành thảo luận và quyết định những vấn đề sau đây:

a) Chủ trương, biện pháp, kế hoạch, chương trình hành động, nghị quyết, quy chế, quy định và các văn bản khác để triển khai tổ chức thực hiện và chấp hành cương lĩnh, đường lối, chủ trương, văn bản, nghị quyết của Trung ương, Đảng ủy Khối, Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Bộ;

b) Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị; đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức, cán bộ, quản lý và phát triển đảng viên; công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; công tác tuyên giáo, dân vận và lãnh đạo các tổ chức đoàn thể;

c) Định kỳ xem xét báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban Thường vụ, các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành. Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, văn bản khác của Trung ương, của Đảng ủy Khối và của Đảng ủy Bộ; thông qua báo cáo, chỉ thị, nghị quyết, quyết định, chương trình, kế hoạch của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ (gọi tắt là Ủy ban Kiểm tra);

d) Chương trình làm việc, chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm của Đảng ủy Bộ và Ủy ban Kiểm tra; Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ, Ủy ban Kiểm tra; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ;

đ) Chia tách, sáp nhập, giải thể, kiện toàn, thành lập các đảng bộ, chi bộ trực thuộc; thành lập, sáp nhập, giải thể, kiện toàn các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ; phân công công tác cho Ủy viên Ban Chấp hành;

e) Kỷ luật cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương Đảng;

g) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập Đại hội Đại biểu Đảng bộ Bộ, Hội nghị giữa nhiệm kỳ (nếu có); tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ; chuẩn bị và thông qua các văn kiện trình Đại hội Đảng bộ Bộ; công tác nhân sự cấp ủy khóa mới và giới thiệu nhân sự để Đại hội bầu vào Ban Chấp hành khóa mới; chuẩn bị và giới thiệu nhân sự để Ban Chấp hành khóa mới bầu ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Ủy ban Kiểm tra và Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra; lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức đại hội các tổ chức đảng trực thuộc theo quy định;

h) Kiện toàn, bổ sung, cho thôi tham gia ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ các tổ chức đảng trực thuộc; ủy viên, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ; xem xét, giới thiệu và đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy Khối chuẩn y, chỉ định bổ sung, cho thôi tham gia ủy viên Ban Chấp hành; bầu Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư; ủy viên, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên;

i) Lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai, thực hiện các vấn đề quan trọng khác do Ban Thường vụ đề nghị. Tham gia ý kiến với Ban cán sự đảng về công tác tổ chức, cán bộ theo phân cấp quản lý; chiến lược, quy hoạch, đề án, chương trình, kế hoạch công tác của Bộ và những vấn đề quan trọng khác theo quy định của pháp luật và Quy chế phối hợp công tác;

k) Quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý tài chính, tài sản của Đảng bộ Bộ; xem xét, cho ý kiến về công tác tài chính Đảng hằng năm và cuối nhiệm kỳ.

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ (gọi tắt là Ban Thường vụ) có nhiệm vụ lãnh đạo và điều hành công việc của Đảng bộ Bộ giữa hai kỳ hội nghị Ban Chấp hành.

2. Ban Thường vụ thảo luận và quyết định những vấn đề sau đây:

a) Chương trình làm việc hằng tháng, quý, 06 tháng, năm của Ban Thường vụ; xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, phổ biến và tổ chức thực hiện nghị quyết, kết luận, chỉ thị, văn bản khác của Trung ương Đảng, của Đảng ủy Khối, của Ban cán sự đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Bộ và nghị quyết, văn bản khác của Ban Chấp hành;

b) Lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ Bộ, nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành, của Đảng bộ Khối và của Trung ương, nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng theo chương trình, kế hoạch của Đảng ủy Bộ và cấp ủy cấp trên;

c) Quyết định triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình Hội nghị Ban Chấp hành; thông qua dự thảo báo cáo, chỉ thị, nghị quyết, kết luận, quyết định, chương trình, kế hoạch và các văn bản khác trình ra Hội nghị Ban Chấp hành;

d) Quyết định việc lập chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở khi có đủ điều kiện; đánh giá chất lượng, xếp loại tổ chức cơ sở đảng, cấp ủy trực thuộc hàng năm; xét khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng hằng năm hoặc đột xuất; xét tặng Huy hiệu Đảng;

đ) Quyết định kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức, quyết định kết nạp lại đảng viên sau khi được Ban Thường vụ Đảng ủy Khối đồng ý bằng văn bản; xóa tên, khai trừ đảng viên; cấp phát thẻ, quản lý sổ phát thẻ, cấp đổi thẻ đảng viên; giải quyết vấn đề đảng tịch của đảng viên; chuyển sinh hoạt đảng cho tổ chức đảng và đảng viên; quản lý hồ sơ đảng viên, danh sách đảng viên và cơ sở dữ liệu đảng viên; cho phép đảng viên đi nước ngoài về việc riêng; quyết định thẩm tra, xác minh, kết luận và bố trí cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý có vấn đề chính trị cần xem xét, kết luận tiêu chuẩn chính trị của đảng viên, cán bộ theo Quy định của Bộ Chính trị, hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và các công tác đảng vụ khác;

e) Xây dựng, trình Đảng ủy Khối xem xét, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Bộ; giới thiệu nhân sự của Đảng bộ Bộ tham gia hoặc không tham gia quy hoạch Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối; quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ủy viên, Ủy ban Kiểm tra, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ; phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch Bí thư, Phó Bí thư, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy cơ sở; Bí thư, Phó Bí thư, Chi ủy viên Chi bộ trực thuộc Đảng bộ Bộ. Tham gia ý kiến với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp về công tác tổ chức và nhân sự; đánh giá, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, cho chuyển công tác, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và các nội dung khác của công tác cán bộ theo quy định của pháp luật và Quy chế phối hợp công tác;

g) Chỉ đạo triển khai, kiểm tra đôn đốc các tổ chức đảng trực thuộc chuẩn bị văn kiện, nhân sự đại hội đảng bộ, chi bộ; chuẩn bị văn kiện, nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, ủy viên, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra; tổ chức Đại hội theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên; chuẩn bị nhân sự kiện toàn, bổ sung Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, ủy viên, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ còn thiếu theo quy định để trình Ban Chấp hành xem xét, báo cáo Đảng ủy Khối quyết định. Quyết định chuẩn y cấp ủy, Bí thư, Phó Bí thư Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc; chuẩn y ủy viên, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra đảng bộ cơ sở, bổ sung cấp ủy viên, Bí thư, Phó Bí thư các đảng bộ, chi bộ trực thuộc; quyết định chỉ định tăng thêm cấp ủy viên, điều động, cho thôi tham gia cấp ủy viên; quản lý đội ngũ cán bộ cấp ủy trực thuộc, cán bộ chuyên trách công tác Đảng; quyết định về công tác nhân sự các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy và nhân sự khác có liên quan theo quy định;

h) Chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc lãnh đạo công tác đoàn thể quần chúng trong cơ quan, đơn vị; trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu Chiến binh, Chi hội Luật gia của Bộ theo quy định; chỉ đạo hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ; xem xét báo cáo tài chính trước khi trình Ban Chấp hành theo quy định;

i) Báo cáo Ban Chấp hành những công việc Ban Thường vụ giải quyết giữa hai Hội nghị của Ban Chấp hành;

k) Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác khi được Ban Chấp hành giao hoặc ủy nhiệm;

l) Hằng năm kiểm điểm, đánh giá tập thể và cá nhân các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chỉ thị, nghị quyết, quy định, quyết định, hướng dẫn của cấp trên và của cấp mình theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Thường trực Đảng ủy

1. Thường trực Đảng ủy gồm Bí thư và các Phó Bí thư.
2. Những việc Ban Thường vụ ủy quyền cho Thường trực Đảng ủy giải quyết:
 - a) Chuẩn y kết quả bầu cấp ủy, Bí thư, Phó Bí thư, ủy viên, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy cơ sở; cho phép đảng viên đi nước ngoài về việc riêng;
 - b) Xét, đề nghị tặng Huy hiệu Đảng, phát thẻ đảng viên theo quy định;
 - c) Quản lý đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác đảng của Đảng ủy Bộ;
 - d) Chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động về tài chính của Đảng ủy Bộ;
 - đ) Tham gia ý kiến về đề nghị xét tặng danh hiệu của Nhà nước, danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân các cơ quan, đơn vị thuộc Đảng bộ Bộ;
 - e) Quyết định thẩm tra, xác minh cán bộ, đảng viên thuộc diện Đảng ủy Bộ quản lý khi có vấn đề chính trị cần xem xét theo quy định của Bộ Chính trị để đưa ra Ban Thường vụ xem xét, kết luận; xem xét, kết luận tiêu chuẩn chính trị của đảng viên, cán bộ không có vấn đề chính trị cần xem xét;
 - g) Chỉ đạo, hướng dẫn những vấn đề nghiệp vụ công tác đảng theo quy định của Điều lệ Đảng, hướng dẫn của Trung ương, Đảng ủy Khối;
 - h) Giải quyết những vấn đề về nghiệp vụ công tác đảng theo quy định của Điều lệ Đảng và Hướng dẫn của Trung ương;
 - i) Tiếp cán bộ, đảng viên theo quy định.
3. Thường trực Đảng ủy Bộ chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện chỉ thị, nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, của Đảng ủy Khối và giải quyết công việc hàng ngày của Đảng ủy Bộ, những vấn đề đột xuất, phát sinh giữa hai phiên họp của Ban Thường vụ, có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:
 - a) Chỉ đạo xây dựng quy chế, chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình làm việc hàng tháng, quý, 06 tháng của Ban Thường vụ; chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu tổ chức họp Ban Thường vụ; báo cáo Đảng ủy Khối và cơ quan cấp trên theo quy định hoặc khi có yêu cầu;
 - b) Chỉ đạo việc xây dựng, chỉnh lý, hoàn thiện, ban hành và triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, quyết định, báo cáo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ sau khi được thông qua;
 - c) Chỉ đạo, thành lập đoàn kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, chương trình, kế hoạch, văn bản của Trung ương, của cấp ủy cấp trên, của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; giới thiệu nhân sự Báo cáo viên Trung ương, Báo cáo viên cấp Đảng ủy Khối; thành lập, kiện toàn bộ phận làm công tác

bảo vệ chính trị nội bộ; thành lập, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên, cộng tác viên dư luận xã hội của Đảng ủy Bộ;

d) Báo cáo Ban Thường vụ những công việc Thường trực Đảng ủy Bộ đã giải quyết giữa hai kỳ họp của Ban Thường vụ và kết quả thực hiện các công việc theo ủy quyền của Ban Thường vụ;

đ) Trực tiếp chỉ đạo hoạt động và yêu cầu các cơ quan tham mưu giúp việc, các cấp ủy trực thuộc làm rõ một số nội dung trước khi trình Ban Thường vụ, Ban Chấp hành; định kỳ hàng quý chủ trì giao ban với các cơ quan tham mưu, giúp việc và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp thuộc Bộ; khi cần thiết Thường trực Đảng ủy Bộ có thể triệu tập và làm việc với cấp ủy cơ sở;

e) Khi giải quyết công việc có liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn của các cấp ủy trực thuộc, các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành được phân công phụ trách thì Thường trực Đảng ủy Bộ mời đại diện cấp ủy và đồng chí ủy viên đó đến dự để tham gia ý kiến;

g) Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác khi được Ban Thường vụ giao hoặc ủy nhiệm.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan tham mưu, giúp việc

1. Cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ gồm: Văn phòng Đảng ủy, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Đảng ủy Bộ và quy định của Đảng.

2. Theo lĩnh vực, nhiệm vụ được giao các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

a) Nghiên cứu, nắm vững chỉ thị, nghị quyết, chương trình, kế hoạch, hướng dẫn và quy định của cấp trên và của Đảng ủy Bộ; kịp thời cụ thể hóa, thể chế hóa thành chỉ thị, nghị quyết, chương trình, kế hoạch, hướng dẫn, quy định của Đảng ủy và tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với thực tiễn của Đảng bộ Bộ;

b) Chuẩn bị các dự thảo báo cáo, chỉ thị, nghị quyết, kết luận, chương trình, kế hoạch, hướng dẫn trình Ban Thường vụ, Ban Chấp hành thảo luận, quyết định trong phạm vi nhiệm vụ được phân công;

c) Chính lý, hoàn thiện, triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, chương trình, kế hoạch, hướng dẫn khi được Ban Thường vụ, Ban Chấp hành thông qua;

d) Chuẩn bị các báo cáo sơ kết, tổng kết, định kỳ theo quy định và đột xuất theo yêu cầu của cấp trên;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thường trực Đảng ủy giao.

CHƯƠNG II

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ, BÍ THƯ, CÁC PHÓ BÍ THƯ

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của ủy viên Ban Chấp hành

1. Tham dự đầy đủ các hội nghị Ban Chấp hành; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành; trường hợp vắng mặt phải báo cáo, được sự đồng ý của Bí thư; trường hợp có yêu cầu thì phải gửi ý kiến của mình bằng văn bản đến Thường trực Đảng ủy Bộ.

2. Tham gia ý kiến kịp thời, có trách nhiệm vào các dự thảo văn bản khi được xin ý kiến, trường hợp hết thời gian xin ý kiến mà chưa có ý kiến thì coi như đồng ý với dự thảo văn bản đó.

3. Chịu trách nhiệm trước Đảng ủy Bộ về lĩnh vực công tác và tổ chức đảng được phân công phụ trách; có trách nhiệm tham gia xây dựng tổ chức cơ sở đảng nơi sinh hoạt và được phân công phụ trách trong sạch, vững mạnh.

4. Chỉ đạo triển khai, quán triệt, phổ biến, tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ Bộ, các văn bản, nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; chỉ thị, nghị quyết, chương trình, kế hoạch, hướng dẫn của Trung ương, của Đảng ủy Khối, của Đảng ủy Bộ trong lĩnh vực công tác, tổ chức đảng được phân công phụ trách; báo cáo kịp thời với Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Bộ về tình hình chính trị, tư tưởng, những vấn đề phức tạp, đột xuất thuộc lĩnh vực, tổ chức đảng được phân công phụ trách; chủ động đề xuất với Ban Thường vụ các chủ trương, biện pháp công tác trong lĩnh vực, tổ chức đảng được phân công phụ trách.

5. Chỉ đạo công tác xây dựng Đảng ở nơi mình sinh hoạt, tổ chức đảng được phân công phụ trách; được yêu cầu tổ chức đảng được phân công phụ trách cung cấp thông tin, nghe báo cáo về tổ chức và hoạt động; tham dự và chỉ đạo tại các phiên họp định kỳ hoặc chuyên đề của tổ chức đảng được phân công phụ trách (khi thấy cần thiết); phối hợp với cấp ủy và người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo tổ chức thực hiện tốt văn bản, nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước.

6. Được cung cấp và yêu cầu Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Bộ cung cấp kịp thời những thông tin, tài liệu cần thiết về hoạt động của Đảng bộ Bộ; được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Đảng.

7. Chấp hành nghiêm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước; có lối sống lành mạnh; xây dựng gia đình văn hóa; không để vợ (chồng), con làm những việc trái quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

8. Thực hiện nghiêm quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; chế độ phê bình và tự phê bình, chất vấn theo quy định của Điều lệ Đảng và

quy định của Trung ương. Gương mẫu, tự giác học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực hoạt động thực tiễn. Xây dựng, thực hiện chương trình, kế hoạch tu dưỡng, rèn luyện, học tập, công tác hàng năm; chấp hành đúng chế độ bảo mật, kỷ luật phát ngôn của Đảng và Nhà nước.

9. Đối với các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành kiêm nhiệm cần bố trí hợp lý giữa thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với thực hiện nhiệm vụ công tác Đảng trong lĩnh vực, tổ chức đảng được phân công phụ trách.

10. Thực hiện các nhiệm vụ và công tác đột xuất do Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy và Bí thư Đảng ủy phân công.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của ủy viên Ban Thường vụ

1. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của ủy viên Ban Chấp hành quy định tại Điều 6 Quy chế này.

2. Tham gia đầy đủ các hội nghị của Ban Thường vụ; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc trách nhiệm, quyền hạn của Ban Thường vụ. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ về việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Ban Thường vụ liên quan tới nhiệm vụ được phân công. Trường hợp vắng mặt phải báo cáo, được sự đồng ý của Bí thư; trường hợp có yêu cầu thì phải gửi ý kiến của mình bằng văn bản về Thường trực Đảng ủy.

3. Chịu trách nhiệm chuẩn bị nội dung các chương trình công tác, các đề án thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách; tham gia chuẩn bị các chương trình công tác, các đề án chung của Ban Thường vụ; tham gia ý kiến kịp thời, có trách nhiệm đối với các dự thảo văn bản được gửi xin ý kiến, trường hợp hết thời hạn xin ý kiến mà chưa có ý kiến thì coi như đồng ý.

4. Cụ thể hóa các văn bản, nghị quyết của Ban Thường vụ thành chương trình công tác, kế hoạch để thực hiện; phối hợp với các ủy viên Ban Thường vụ kiểm tra, đôn đốc, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực và tổ chức đảng được phân công phụ trách.

5. Thường xuyên phản ánh tình hình, đề xuất, giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công; những vấn đề vượt quá trách nhiệm, quyền hạn của mình thì phải báo cáo xin ý kiến của Thường trực Đảng ủy.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Bí thư Đảng ủy Bộ

1. Bí thư Đảng ủy Bộ chịu trách nhiệm cao nhất trước Đảng bộ Bộ; cùng Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Khối về mọi hoạt động của Đảng bộ Bộ.

2. Bí thư Đảng ủy Bộ thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và có trách nhiệm, quyền hạn sau đây:

a) Chủ trì, kết luận hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Bộ; chủ trì công việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Bộ; đề xuất những vấn đề quan trọng trong công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Bộ để Ban Thường vụ, Ban Chấp hành thảo luận, quyết định.

b) Quán triệt, phổ biến trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chỉ đạo chuẩn bị nội dung chương trình, kế hoạch công tác để Ban Thường vụ, Ban Chấp hành thảo luận, quyết định theo thẩm quyền.

c) Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, các lĩnh vực công tác khó khăn, bức xúc, phức tạp, nhạy cảm; chỉ đạo công tác chính trị, tư tưởng, công tác cán bộ và công tác thi hành kỷ luật đảng; kiến nghị với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ chủ trương, giải pháp nhằm cải tiến, đổi mới phương thức lãnh đạo, duy trì sinh hoạt cấp ủy đúng quy định và nguyên tắc của Đảng; xây dựng sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ cấp ủy và trong Đảng bộ Bộ.

d) Chỉ đạo sơ kết, tổng kết việc thực hiện các văn bản, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, các lĩnh vực công tác quan trọng của Đảng bộ Bộ; thay mặt Ban Chấp hành báo cáo với Đảng ủy Khối và thông báo với các tổ chức đảng trực thuộc về tình hình và kết quả thực hiện các văn bản, nghị quyết, chỉ thị của Đảng trong Đảng bộ Bộ và hoạt động của cấp ủy theo đúng chế độ quy định. Khi cần thiết, trực tiếp báo cáo Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Khối về tình hình hoạt động của Đảng bộ Bộ và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo.

đ) Thay mặt Đảng bộ Bộ tham dự các cuộc họp với Lãnh đạo Bộ, Ban cán sự đảng và cấp ủy cấp trên; phản ánh đầy đủ ý kiến, đề nghị của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về những vấn đề có liên quan.

e) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Đảng ủy Bộ, trừ những văn bản phân công cho Phó Bí thư ký.

g) Phân công một đồng chí Phó Bí thư chủ trì, kết luận một số hội nghị, phiên họp trong trường hợp không thể bố trí được thời gian tham dự và chủ trì hội nghị, phiên họp. Giữ mối quan hệ và phối hợp hoạt động giữa các đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy Bộ.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của Phó Bí thư Đảng ủy Bộ

1. Phó Bí thư Đảng ủy thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

a) Tham gia với tập thể Thường trực Đảng ủy Bộ chỉ đạo thực hiện các công việc chung của Đảng ủy Bộ;

b) Phụ trách công tác xây dựng đảng ở một số lĩnh vực của Đảng bộ Bộ theo sự phân công của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; trực tiếp phụ trách một số cấp ủy trực thuộc Đảng ủy Bộ.

c) Chỉ đạo việc chuẩn bị các dự thảo chương trình, kế hoạch công tác, các đề án của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ thuộc lĩnh vực công tác được phân công phụ trách; tham gia chuẩn bị nội dung hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các chương trình công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

d) Thay mặt Ban Thường vụ chỉ đạo, giải quyết công việc của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ, các cấp ủy trực thuộc theo sự phân công; ký các văn bản thuộc phạm vi được phân công phụ trách và được Bí thư ủy nhiệm.

2. Phó Bí thư Thường trực là đồng chí Phó Bí thư chuyên trách công tác Đảng, ngoài việc thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của Phó Bí thư tại Khoản 1 Điều này còn có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

a) Điều hành công việc hàng ngày của Đảng ủy Bộ; giải quyết những công việc do Bí thư ủy nhiệm, thay mặt Bí thư xử lý công việc thuộc thẩm quyền khi Bí thư đi vắng; xử lý công văn, tài liệu đi đến hàng ngày của Đảng ủy Bộ.

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện quy chế, các chương trình, kế hoạch công tác đã đề ra; chỉ đạo chuẩn bị chương trình, nội dung và công tác bảo đảm phục vụ hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các cuộc họp của Thường trực Đảng ủy Bộ.

c) Chỉ đạo việc chỉnh lý, hoàn chỉnh dự thảo các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, chương trình, kế hoạch, văn bản của Đảng ủy Bộ sau khi được Ban Chấp hành, Ban Thường vụ thông qua;

d) Thay mặt Thường trực Đảng ủy Bộ báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ giữa hai kỳ hội nghị của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

đ) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản báo cáo Đảng ủy Khối hàng tháng, quý, năm và theo sự ủy nhiệm của Bí thư Đảng ủy Bộ.

CHƯƠNG III

NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 10. Nguyên tắc làm việc

1. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Bộ làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số; thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Trung ương, của Đảng ủy Khối và Quy chế làm việc.

2. Hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Bộ phải tuân thủ Cương lĩnh, Điều lệ, quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; được tiến hành công khai, dân chủ, phát huy trí tuệ, trách nhiệm và năng lực của tập thể và cá nhân. Các ủy viên phải hoàn thành và chịu trách nhiệm trước tập thể Ban Thường vụ, Ban Chấp hành về nhiệm vụ được phân công.

3. Các nội dung của hội nghị Ban Chấp hành, phiên họp Ban Thường vụ thảo luận khi chưa có kết luận bằng văn bản thì không được thông tin ra bên ngoài hoặc

tuyên truyền theo quan điểm cá nhân. Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ được quyền bảo lưu ý kiến của mình nhưng khi có kết luận cuối cùng thì chỉ được phát ngôn theo nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

Điều 11. Lễ lối làm việc

1. Ban Chấp hành làm việc theo chương trình làm việc toàn khóa và hằng năm, có sự điều chỉnh khi cần thiết.

2. Thường trực Đảng ủy Bộ có trách nhiệm chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc của phiên họp Ban Thường vụ. Ban Thường vụ có trách nhiệm chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc của hội nghị Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ thông báo chương trình làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và phân công các cơ quan tham mưu, giúp việc, các đơn vị, cá nhân phụ trách, chỉ đạo chuẩn bị nội dung theo tiến độ đã đề ra.

4. Đối với những văn bản, đề án quan trọng, Thường trực Đảng ủy Bộ xin ý kiến Ban cán sự đảng và tổ chức lấy ý kiến tham gia của các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ, các cấp ủy trực thuộc, các tổ chức đoàn thể trước khi Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, quyết định.

5. Văn bản, nghị quyết, quyết định, kết luận của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ được quy định rõ về tiến độ, thời gian hoàn thành, phân công trách nhiệm, chế độ kiểm tra, đôn đốc và chế độ báo cáo.

6. Trong quá trình thực hiện văn bản, nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng ủy Bộ, các đơn vị và cá nhân có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, nêu những ưu, khuyết điểm, nguyên nhân và báo cáo, kiến nghị, đề xuất với Ban Thường vụ để chỉ đạo, giải quyết.

Điều 12. Chế độ làm việc

1. Chế độ và thời gian họp:

a) Ban Chấp hành họp định kỳ ba tháng một lần vào tuần cuối của tháng cuối quý. Trường hợp đặc biệt không tổ chức họp được thì sẽ tổ chức họp vào tuần đầu của tháng tiếp theo. Hội nghị Ban Chấp hành do Ban Thường vụ triệu tập.

b) Ban Thường vụ họp định kỳ mỗi tháng một lần vào tuần cuối hàng tháng, do Thường trực Đảng ủy Bộ triệu tập. Trường hợp đặc biệt không tổ chức họp được thì sẽ tổ chức họp vào tuần đầu của tháng tiếp theo.

c) Tập thể Thường trực Đảng ủy Bộ hội ý vào thời gian thích hợp các ngày cuối tuần hoặc đột xuất khi cần.

Trong trường hợp cần thiết Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Bộ có thể triệu tập họp, hội ý bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất phát sinh.

2. Nội dung hội nghị, phiên họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ thuộc phạm vi nhiệm vụ của cơ quan tham mưu, giúp việc, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị nào thì cơ quan tham mưu, giúp việc, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị đó có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đảng ủy Bộ chuẩn bị nội dung, tài liệu báo cáo Thường trực Đảng ủy Bộ trước khi đưa ra hội nghị, phiên họp. Khi cần thiết, Thường trực Đảng ủy Bộ mời cấp ủy, các đơn vị, cá nhân có liên quan tham gia ý kiến trước khi đưa ra phiên họp, hội nghị thảo luận, quyết định.

3. Sau khi chuẩn bị kỹ nội dung, chương trình, tài liệu mới chính thức triệu tập hội nghị, phiên họp. Tùy theo nội dung, tính chất, mức độ bảo mật của hội nghị, phiên họp, tài liệu của phiên họp, hội nghị được gửi qua Email, zalo hoặc bản in chậm nhất trước 02 ngày làm việc, để các đồng chí ủy viên nghiên cứu trước và chuẩn bị ý kiến thảo luận, trừ trường hợp triệu tập hội nghị, phiên họp đột xuất không thể gửi trước tài liệu.

4. Hội nghị, phiên họp Ban Thường vụ, Ban Chấp hành phải có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số ủy viên tham gia. Các ủy viên có lý do chính đáng không thể tham dự phải báo cáo và được sự đồng ý của Bí thư Đảng ủy Bộ. Những ủy viên vắng mặt có lý do, nhưng có ý kiến bằng văn bản gửi về Thường trực Đảng ủy Bộ thì được coi như có mặt. Khi cần thiết, Thường trực Đảng ủy Bộ mời đại diện tổ chức, cá nhân có liên quan tham dự và phát biểu ý kiến khi hội nghị, phiên họp thảo luận, quyết định những nội dung có liên quan đến tổ chức và cá nhân đó.

5. Nghị quyết, quyết định, kết luận của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ có hiệu lực khi có trên 1/2 tổng số ủy viên tán thành (bao gồm cả các ủy viên vắng mặt nhưng có ý kiến bằng văn bản gửi về Thường trực Đảng ủy Bộ). Trường hợp giải tán tổ chức đảng thì phải được ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số ủy viên tán thành. Nghị quyết và các vấn đề, các nội dung được Ban Chấp hành, Ban Thường vụ quyết định bằng văn bản, thông báo chậm nhất không quá một tuần sau khi họp để triển khai thực hiện.

6. Văn phòng Đảng ủy Bộ có trách nhiệm cử công chức ghi biên bản, dự thảo nghị quyết của các hội nghị, phiên họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; thông báo các ý kiến kết luận của hội nghị, phiên họp đến các ủy viên và các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm thực hiện; phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo các văn bản, nghị quyết và tổ chức việc phát hành, quản lý văn bản theo quy định.

Điều 13. Tiến hành hội nghị và ra quyết định

1. Hội nghị, phiên họp làm việc đúng giờ, đúng nội dung, bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Trong hội nghị, phiên họp phải bảo đảm thật sự dân chủ, phát huy được trí tuệ tập thể. Chủ trì hội nghị, phiên họp cần nêu những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để hội nghị, phiên họp thảo luận đi đến nhất trí.

2. Căn cứ vào ý kiến và kết luận của hội nghị, phiên họp, cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị chuẩn bị nội dung trình ra hội nghị, phiên họp có trách nhiệm hoàn chỉnh dự thảo văn bản gửi Văn phòng Đảng ủy Bộ thẩm tra, chỉnh lý và trình ký ban hành chậm nhất là 05 ngày làm việc sau khi kết thúc hội nghị, phiên họp.

3. Trong trường hợp không tổ chức hội nghị, phiên họp được thì Thường trực Đảng ủy Bộ gửi dự thảo báo cáo, chỉ thị, nghị quyết, chương trình, kế hoạch, văn bản, phiếu xin ý kiến đến các ủy viên để lấy ý kiến. Cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị chuẩn bị các dự thảo tổng hợp ý kiến, chỉnh lý, tiếp thu và hoàn thiện dự thảo trình ký ban hành.

4. Chỉ thị, nghị quyết, kết luận, chương trình, kế hoạch, văn bản của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phải phù hợp về nội dung, thể thức, phân công rõ trách nhiệm, tiến độ thực hiện phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Đảng bộ Bộ.

Điều 14. Chế độ báo cáo và thông tin

1. Thường trực Đảng ủy Bộ báo cáo Ban Thường vụ tại phiên họp định kỳ hằng tháng. Ban Thường vụ báo cáo Ban Chấp hành tại phiên họp định kỳ hằng quý về tình hình, kết quả thực hiện công việc và những nội dung được Ban Thường vụ, Ban Chấp hành ủy quyền giải quyết. Ban Thường vụ báo cáo tình hình và kết quả hoạt động của Đảng bộ Bộ với Đảng ủy Khối theo quy định.

2. Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Bộ chỉ đạo việc xây dựng dự thảo báo cáo sơ kết 6 tháng, tổng kết, báo cáo giữa nhiệm kỳ, nhiệm kỳ và lấy ý kiến của Ban Chấp hành trước khi báo cáo lên cấp trên hoặc trình ra Đại hội.

3. Khi có công việc đột xuất, quan trọng Thường trực Đảng ủy Bộ thay mặt Ban Thường vụ báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Khối để chỉ đạo triển khai thực hiện kịp thời.

4. Định kỳ hằng năm, ủy viên Ban Chấp hành có trách nhiệm báo cáo kết quả công tác của mình bằng văn bản về việc thực hiện chủ trương, nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và nhiệm vụ được phân công. Khi thực hiện nhiệm vụ được phân công phải thường xuyên trao đổi thông tin; nếu phát hiện vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh thì kiến nghị, phản ánh và đề xuất biện pháp giải quyết kịp thời với Thường trực Đảng ủy Bộ hoặc ủy viên Ban Thường vụ phụ trách lĩnh vực công tác đó.

5. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ, các tổ chức đảng trực thuộc có trách nhiệm báo cáo kịp thời tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công, hoạt động của đảng bộ, chi bộ mình gửi về Đảng ủy Bộ (Qua Văn phòng Đảng ủy Bộ) như sau:

a) Báo cáo quý I gửi trước ngày 20/3 hàng năm;

b) Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm gửi trước ngày 20/6 hàng năm;

- c) Báo cáo quý III gửi trước ngày 20/9 hàng năm;
- d) Báo cáo tổng kết năm gửi trước ngày 20/12 hàng năm.

Khi cần thiết các đảng bộ, chi bộ trực thuộc và cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ có trách nhiệm báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

6. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Bộ có trách nhiệm tiếp thu và giải quyết kịp thời những ý kiến kiến nghị, phản ánh, đề xuất của các cấp ủy, cán bộ, đảng viên và các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ.

7. Ủy viên Ban Chấp hành được thông báo về tình hình và kết quả hoạt động của Đảng bộ Bộ ít nhất sáu tháng một lần, được cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết (theo quy định) phục vụ công tác nghiên cứu, chỉ đạo và sử dụng các tài liệu đó theo chế độ quy định. Thường trực Đảng ủy Bộ chỉ đạo Văn phòng Đảng ủy Bộ gửi kịp thời những tài liệu, văn bản cần thiết của Trung ương, Đảng ủy Khối, của Đảng ủy đến các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

8. Ban Thường vụ thông báo tình hình chung và những công việc đã giải quyết giữa hai hội nghị của Ban Chấp hành.

9. Việc chất vấn trong Ban Chấp hành được thực hiện theo Quy chế chất vấn trong Đảng.

Điều 15. Chế độ học tập, nêu gương

1. Ủy viên Ban Chấp hành có kế hoạch và gương mẫu học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực hoạt động thực tiễn nhất là về công tác xây dựng Đảng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

2. Ủy viên Ban Chấp hành có kế hoạch và gương mẫu, tự giác học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện tự phê bình và phê bình nghiêm túc trên tinh thần tự soi, tự sửa gắn với thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; tích cực tham gia xây dựng, chỉnh đốn đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

Điều 16. Chế độ kiểm điểm, tự phê bình và phê bình

1. Việc kiểm điểm tập thể, cá nhân hằng năm của Đảng ủy Bộ và các cấp ủy trực thuộc thực hiện theo quy định của Trung ương Đảng, hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, Đảng ủy Khối và chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ.

2. Các ủy viên Ban Chấp hành chủ động, kịp thời tham gia góp ý kiến với tập thể và cá nhân ủy viên Ban Chấp hành khi phát hiện có thiếu sót, khuyết điểm hoặc có phản ánh của cán bộ, đảng viên và quần chúng theo đúng nguyên tắc tự phê bình và phê bình của Đảng.

Điều 17. Chế độ quản lý văn bản đến, văn bản đi

1. Quản lý văn bản đến

a) Các văn bản chuyển đến Đảng ủy Bộ do Văn phòng Đảng ủy Bộ tiếp nhận chuyển cho Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Bộ chỉ đạo cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân để giải quyết công việc theo thẩm quyền. Đối với các văn bản, nghị quyết quan trọng hoặc liên quan trực tiếp đến trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy phải kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Bí thư Đảng ủy Bộ.

b) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được phân công thực hiện tiếp nhận công văn, triển khai thực hiện, lập hồ sơ giải quyết công việc, phối hợp với Văn phòng Đảng ủy Bộ trình Bí thư hoặc Phó Bí thư theo thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết công việc, nếu có liên quan đến cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thì chủ động phối hợp để xử lý, giải quyết theo quy định.

2. Quản lý văn bản đi

a) Tất cả các văn bản đi của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đều phải được vào sổ quản lý công văn đi của Đảng ủy Bộ do Văn phòng Đảng ủy Bộ quản lý. Sau khi hoàn thành công việc, hồ sơ giải quyết công việc phải được gửi lưu giữ tại Văn phòng Đảng ủy Bộ.

b) Đối với các văn bản trình Bí thư, Phó Bí thư, sau khi được lãnh đạo Văn phòng Đảng ủy Bộ ký trình, văn thư chuyển hồ sơ giải quyết công việc cho Bí thư hoặc Phó Bí thư ký duyệt. Sau khi văn bản được ký duyệt, văn thư vào sổ công văn đi và báo cáo Lãnh đạo Văn phòng Đảng ủy Bộ để phát hành.

c) Các văn bản, tài liệu của Đảng bộ Bộ phải được lưu giữ bằng văn bản giấy, được bảo quản, quản lý theo quy định. Đối với các văn bản, tài liệu mật thực hiện theo quy định về chế độ bảo mật. Việc thực hiện chuyên đổi số, quản lý, điều hành văn bản của Đảng trên phần mềm điều hành văn bản được thực hiện theo quy định của Bộ, hướng dẫn của Đảng ủy Khối và các quy định có liên quan.

CHƯƠNG IV

QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 18. Đối với Đảng ủy Khối và các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Khối

1. Đảng ủy Bộ là cấp ủy trực thuộc Ban Chấp hành Đảng bộ Khối; chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Khối, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Khối; thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Khối; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất với Đảng ủy Khối theo quy định.

2. Đối với các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Khối: Chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Khối.

Điều 19. Đối với Ban cán sự đảng và Lãnh đạo Bộ

1. Thực hiện theo Quy chế phối hợp công tác giữa Ban cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ Tư pháp với Đảng ủy Bộ Tư pháp. Hàng năm, Đảng ủy Bộ làm việc với Ban cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ về thực hiện quy chế phối hợp công tác, trao đổi về phương hướng, nhiệm vụ, các giải pháp phối hợp lãnh đạo trong năm tới.

2. Đảng ủy Bộ phối hợp chặt chẽ với Ban cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ Tư pháp trong việc tổ chức học tập, quán triệt chủ trương, quy định của Đảng; lãnh đạo, thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng và nghị quyết của Đảng ủy Khối; trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị; công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ cấp ủy và quản lý Đảng viên; lãnh đạo thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng thành pháp luật. Tham gia xây dựng và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả phương hướng công tác, nhiệm vụ chính trị của Bộ và nhiệm vụ được cấp trên giao theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; lãnh đạo việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác; xây dựng cơ quan, đoàn thể vững mạnh.

3. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ tham gia ý kiến với Ban cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ trong việc quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ theo phân công, phân cấp quản lý cán bộ; lấy ý kiến của Ban cán sự đảng về nhân sự của Đảng ủy Bộ và các công tác khác có liên quan, bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo đối với các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp, cơ quan, đơn vị trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao.

Điều 20. Đối với các cơ quan tham mưu, giúp việc

1. Các cơ quan tham mưu, giúp việc chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Bộ mà trực tiếp là Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Bộ; có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên theo quy định và đột xuất theo yêu cầu của Thường trực Đảng ủy Bộ và các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Khối. Khi nhận được chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch, chương trình, hướng dẫn của cấp trên thuộc lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công, phụ trách thì các cơ quan tham mưu, giúp việc phải báo cáo, tham mưu, đề xuất với Thường trực Đảng ủy Bộ để triển khai, thực hiện trong Đảng bộ Bộ.

2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ định kỳ báo cáo bằng văn bản tình hình thực hiện nhiệm vụ với Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Bộ theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này. Hàng quý, Phó Bí thư Thường trực

Đảng ủy Bộ giao ban với các cơ quan tham mưu, giúp việc vào tuần cuối quý, thời gian cụ thể do Phó Bí thư Thường trực quyết định.

3. Văn phòng Đảng ủy Bộ là cơ quan tham mưu tổng hợp, trực tiếp giúp Thường trực Đảng ủy Bộ, Ban Thường vụ chỉ đạo, tổ chức triển khai, thực hiện các công việc hàng ngày của Đảng ủy Bộ; là đầu mối tham mưu tổng hợp, thông tin; xây dựng, triển khai, đôn đốc thực hiện các chương trình, kế hoạch làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Bộ; chủ trì hoặc phối hợp chuẩn bị các báo cáo sơ kết, tổng kết các mặt công tác của Đảng ủy Bộ; thẩm tra, phối hợp trình Thường trực Đảng ủy Bộ ký, ban hành các văn bản của Ủy ban Kiểm tra, các Ban, các tổ chính trị - xã hội thuộc Bộ soạn thảo và bảo đảm các điều kiện hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Bộ và các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ theo quy định.

Điều 21. Đối với các đảng bộ, chi bộ trực thuộc

1. Đảng ủy Bộ trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức kiểm tra các đảng bộ, chi bộ trực thuộc trong việc thực hiện những yêu cầu, nhiệm vụ công tác đảng; thực hiện kiểm tra, giám sát các đảng bộ, chi bộ và đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng.

2. Các cấp ủy trực thuộc chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về toàn bộ các mặt công tác đảng; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất với Đảng ủy Bộ và với ủy viên Ban Chấp hành phụ trách theo quy định.

3. Trong trường hợp đặc biệt các cấp ủy trực thuộc hoặc đảng viên có thể trực tiếp báo cáo, phản ánh với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Bộ và ủy viên Ban Chấp hành phụ trách Đảng bộ, Chi bộ những vấn đề thuộc phạm vi công tác mà tổ chức, cá nhân quan tâm.

Điều 22. Đối với tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp thuộc Bộ

1. Đảng ủy Bộ lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp thuộc Bộ; lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp thuộc Bộ xây dựng tổ chức trong sạch, vững mạnh, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ của tổ chức mình, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên, hội viên tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, nhiệm vụ của Bộ; lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp chăm lo đời sống vật chất tinh thần và điều kiện làm việc, thi đua thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị được giao, tích cực tham gia công tác xã hội, từ thiện...

2. Các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp có nhiệm vụ quán triệt, phổ biến, cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ thành các chủ trương, biện pháp để tổ chức thực hiện có hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của tổ chức mình.

3. Định kỳ 06 tháng và hàng năm, Đảng ủy Bộ nghe báo cáo kết quả và chỉ đạo các hoạt động và đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp; tiếp thu những kiến nghị, đề xuất, tâm tư, tình cảm nguyện vọng của các tổ chức, đoàn viên, hội viên.

Điều 23. Với cấp ủy địa phương nơi có tổ chức đảng trực thuộc đóng trên địa bàn

1. Đảng ủy Bộ chủ động xây dựng và duy trì mối quan hệ với cấp ủy địa phương nơi có tổ chức đảng trực thuộc đóng trên địa bàn để phối hợp thực hiện nhiệm vụ chính trị; bồi dưỡng quần chúng ưu tú, đảng viên mới; quản lý cán bộ, đảng viên và thực hiện quy định của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú, gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

2. Định kỳ hoặc khi có yêu cầu, các bên chủ động thông báo cho nhau về tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng, công tác quản lý cán bộ, đảng viên và các nội dung công tác có liên quan để phối hợp thực hiện.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Các ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên Ban Thường vụ, cấp ủy các tổ chức đảng trực thuộc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm quán triệt đầy đủ và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế này.

Điều 25. Thường trực Đảng ủy Bộ, Ban Thường vụ có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện Quy chế này. Văn phòng Đảng ủy Bộ tham mưu, giúp Thường trực Đảng ủy Bộ, Ban Thường vụ tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy có vấn đề cần sửa đổi, bổ sung thì báo cáo Ban Chấp hành xem xét, quyết định./.

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**



Đặng Hoàng Oanh